

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 2 tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 1)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư – dân cư tại Khu Công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 43/TTr-HĐBT ngày 15/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 2 tại Khu Công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 1), như sau:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ gia đình; chi phí phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (2%) và chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế là: **1.027.636.534 đồng** (Một tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm ba mươi bốn đồng), trong đó:

+ Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.005.515.200 đồng

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 20.110.304 đồng

+ Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 2.011.030 đồng

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

- Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

**Điều 2.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư – dân cư tại Khu Công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư – dân cư tại Khu Công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**

**GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 2 TẠI KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7), KHU KINH TẾ NHƠN HỘI**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Đồng*

Stt	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc			Loại đất	Vị trí	Hạng đất	Diện tích thu hồi Khu dân cư HV2 (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường đất đai	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Thửa số	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14= (11+12+13)
1	Nguyễn Trọng Phước	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	30	14	94,7	LUK	1	6	78,4	2.744.000	8.232.000	219.520	11.195.520
2	Lê Huệ (chết), con Lê Văn Hoàng (ĐDKK)	An Long 2, xã Canh Vinh	37	14	1.077,3	LUK	1	6	13,6	476.000	1.428.000	38.080	1.942.080
3	Phạm Văn Mạnh, vợ Nguyễn Thị Khế	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	20	14	1.355,1	LUK	1	6	114,7	7.165.900	16.770.600	2.326.000	26.262.500
						RSX	2	1	225,1				
4	Phạm Hồng Mạch, vợ Phạm Thị Giáo	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	46	14	6.180,0	BHK	1	6	4.010,9	167.415.500	461.695.500	44.556.000	673.667.000
						RSX	2	1	1.931,0				
5	Huỳnh Sáu con Huỳnh Chí Viễn (ĐDKK)	Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	118	3	16.174,3	RSX	2	1	2.756,1	38.585.400	57.878.100	17.374.000	113.837.500
6	Lê Văn Nhiều	Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh	267	2	2.785,8	RSX	2	1	619,5	8.673.000	13.009.500	2.966.600	24.649.100

